

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 028/EB/2020

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ EB

Địa chỉ: Số 163, Đường Phan Đăng Lưu, Phường 01, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Điện thoại: 02839958368

Fax: 02839958423

Mã số doanh nghiệp: 0105696842

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: BÁNH CROWN PIE
2. Thành phần: Bột mì, đường, si-rô bắp, shortening, dầu thực vật, bột sữa, cacao (bột và khối), đường lactose, chất tạo ngọt (420(ii)), đường glucose, gelatin, cồn, chất điều chỉnh độ acid (500(ii), 503(ii), 341(i), 262, 260, 526), muối, chất làm dày (422, 1400, 414), konjac, vitamin B1, chiết xuất cam thảo, chất nhũ hóa (322(i), 475), vanillin, sodium caseinate, hương tổng hợp (rum, cognac, brandy), chiết xuất yucca.
Sản phẩm có chứa: Lúa mì, sữa, đậu nành, thịt heo, thịt bò. Được sản xuất tại cơ sở có xử lý đậu phộng, hạt phỉ.
3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 12 tháng kể từ ngày sản xuất.
4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:
 - Quy cách đóng gói: Khối lượng tịnh: 360 g (30 g x 12 cái)
 - Chất liệu bao bì: Sản phẩm được chứa trong túi nhựa PP, đựng trong hộp giấy.
5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm (sản phẩm nhập khẩu): Crown Confectionery Co., Ltd - 3, Hangang Daero 72-Gil, Yongsan-Gu, Seoul, Korea (Hàn Quốc)

III. Mẫu nhãn sản phẩm

Đính kèm (Theo 43/2017/NĐ-CP Nghị định về Nhãn hàng hóa).

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

1. Chỉ tiêu độc tố vi nấm: theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia số QCVN 8-1:2011/BYT về quy chuẩn quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm.

Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giới hạn cho phép
1	Aflatoxin B1	µg/kg	2
2	Aflatoxin tổng số	µg/kg	4
3	Ochratoxin A	µg/kg	3
4	Deoxynivalenol	µg/kg	500
5	Zearalenone	µg/kg	50



2. Chỉ tiêu kim loại nặng: theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia số QCVN 8-2:2011/BYT về quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.

Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giới hạn cho phép
1	Cadmi (Cd)	mg/kg	0,1
2	Chì (Pb)	mg/kg	0,2

3. Chỉ tiêu vi sinh vật: theo quyết định số 46/2007/QĐ-BYT về quy định giới hạn tối đa ô nhiễm sinh học và hóa học trong thực phẩm

Stt	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giới hạn cho phép
1	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	CFU/g	10^4
2	<i>Coliforms</i>	CFU/g	10
3	<i>E.coli</i>	CFU/g	3
4	<i>S. aureus</i>	CFU/g	10
5	<i>Cl.perfringens</i>	CFU/g	10
6	<i>B.cereus</i>	CFU/g	10
7	Tổng số bào tử nấm men, nấm mốc	CFU/g	10^2

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 09 năm 2020

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)



NGUYỄN THỊ THẢO
Director - International Import
Giám Đốc Nhập Khẩu Quốc Tế

968.

CÔNG
 TNHH
 DỊCH VỤ
EB

N-T.P

ĐÍNH KÈM :

THÔNG TIN NHÃN TIẾNG VIỆT

BÁNH CROWN PIE

Thành phần: Bột mì, đường, si-rô bắp, shortening, dầu thực vật, bột sữa, cacao (bột và khối), đường lactose, chất tạo ngọt (420(ii)), đường glucose, gelatin, cồn, chất điều chỉnh độ acid (500(ii), 503(ii), 341(i), 262, 260, 526), muối, chất làm dày (422, 1400, 414), konjac, vitamin B1, chiết xuất cam thảo, chất nhũ hóa (322(i), 475), vanillin, sodium caseinate, hương tổng hợp (rum, cognac, brandy), chiết xuất yucca.

Lưu ý: Sản phẩm có chứa lúa mì, sữa, đậu nành, thịt heo, thịt bò; được sản xuất tại cơ sở có xử lý đậu phộng, hạt phỉ.

Khối lượng tịnh: 360 g (30 g x 12 cái)

Dùng trực tiếp. Bảo quản nơi khô thoáng, tránh ánh nắng trực tiếp.

Ngày sản xuất: Xem năm/tháng/ngày trên bao bì

Hạn sử dụng: Xem năm/tháng/ngày trên bao bì

Sản xuất bởi: Crown Confectionery Co., Ltd - 3, Hangang Daero 72-Gil, Yongsan-Gu, Seoul, Korea (Hàn Quốc)

Nhập khẩu và phân phối bởi: CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ EB - số 163 đường Phan Đăng Lưu, Phường 1, Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh.

Số tự công bố: 028/EB/2020

NHÃN GỐC SẢN PHẨM



10 pi
lượng 90% 이상
차진 -5 이상 적용

Made In Korea

제품명	제조업체	소재지	제조일자	유통일자
크라운파이	한국식품산업	서울	2020.07.01	2020.07.01

Nutrition Facts

12 Servings Per Container
Serving Size 1 package (30g)

Amount Per Serving
Calories 130

	% Daily Value*
Total Fat 5g	6%
Saturated Fat 3.5g	18%
Trans Fat 0g	
Cholesterol less than 5mg	1%
Sodium 110mg	5%
Total Carbohydrate 20g	7%
Dietary Fiber 0g	0%
Total Sugars 9g	
Includes 8g Added Sugars	16%
Protein 1g	

Vit. D 0mg	0%	Calcium 0mg	0%
Iron 0mg	0%	Potas. 0mg	0%

* The % Daily Value (DV) tells you how much a nutrient in a serving of food contributes to a daily diet. 2,000 calories a day is used for general nutrition advice.



8 801111 932325

NET WT. 30g x 12 pieces

COCOA POWDER ADDED
KEEP AWAY FROM DIRECT SUN AND STORE AT A COOL PLACE.

제품명	제조업체	소재지	제조일자	유통일자
크라운파이	한국식품산업	서울	2020.07.01	2020.07.01

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số mẫu: 743-2020-00076529
Mã số kết quả: AR-20-VD-080802-01 / EUVNHC-00111608



Công Ty TNHH Dịch Vụ EB

Số 163, Đường Phan Đăng Lưu, Phường 1
Quận Phú Nhuận
Thành Phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Tên mẫu: Bánh Crown Pie
Tình trạng mẫu: Mẫu thành phẩm
Ngày nhận mẫu: 28/08/2020
Thời gian thử nghiệm: 28/08/2020 - 02/09/2020
Ngày hẹn trả kết quả khách hàng: 04/09/2020
Mã số PO của khách hàng: GG8T200828392



STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
1	VD325 VD (a) <i>Tổng số vi sinh vật hiếu khí</i>	cfu/g	TCVN 4884-1: 2015 (ISO 4833-1:2013)	3.4x10 ²
2	VD334 VD (a) <i>Clostridium perfringens</i>	cfu/g	TCVN 4991:2005 (ISO 7937:2004)	Không phát hiện (LOD=10)
3	VD340 VD (a) <i>Coliforms</i>	cfu/g	TCVN 6848:2007 (ISO 4832:2007)	Không phát hiện (LOD=10)
4	VD354 VD (a) <i>Escherichia coli</i>	MPN/g	TCVN 7924-3:2017 (ISO 16649-3:2015)	Không phát hiện (LOD=0)
5	VD373 VD (a) <i>Staphylococcus aureus</i>	cfu/g	AOAC 975.55	Không phát hiện (LOD=10)
6	VD398 VD (a) <i>Bacillus cereus</i>	cfu/g	AOAC 980.31	Không phát hiện (LOD=10)
7	VD0GC VD <i>Tổng số bào tử nấm men & nấm mốc</i>	cfu/g	TCVN 8275-2:2010 (ISO 21527-2:2008)	Không phát hiện (LOD=10)
8	VD855 VD (a)(f) Cadimi (Cd)	mg/kg	AOAC 2015.01	Không phát hiện (LOD=0.01)
9	VD861 VD (a)(f) Chì (Pb)	mg/kg	AOAC 2015.01	Không phát hiện (LOD=0.017)
10	VD063 VD (a) Ochratoxin A	µg/kg	Ref. AOAC International 84.6 (2001):1818-1827	Không phát hiện (LOD=0.5)
11	VD066 VD (a) Zearalenon	µg/kg	Ref. EN 15850:2010	Không phát hiện (LOD=5)
12	VD069 VD (a) Deoxynivalenol	µg/kg	Ref. BS EN 15791:2009	Không phát hiện (LOD=50)
13	VD821 VD (a) Aflatoxin B1	µg/kg	DIN EN 14123:2008-03 mod	Không phát hiện (LOD=0.5)
14	VD821 VD (a) Aflatoxin tổng (B1, B2, G1, G2)	µg/kg	DIN EN 14123:2008-03 mod	Không phát hiện (LOD=0.5)

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp

Ký tên



Nguyễn Thị Phương Vy
Trưởng Phòng Dịch Vụ Phân Tích



Lý Hoàng Hải
Tổng Giám Đốc

Bản kết quả được xác nhận điện tử bởi Nguyễn Thị Phương Vy 07/09/2020

Ghi chú giải thích

Tất cả các thông tin trong bản kết quả này phải được sao chép đầy đủ; bản kết quả này chỉ có giá trị với mẫu thử do khách hàng cung cấp. Các kết quả phân tích được thu thập và trình bày theo những điều khoản chung về cung cấp dịch vụ, các thông tin này được cung cấp theo yêu cầu của quý khách. Mọi phép thử được nhận diện bằng một mã số nhận dạng bao gồm 5 chữ số, thông tin mô tả của các phép thử này sẽ được cung cấp khi quý khách có yêu cầu. (!): Thông tin này được cung cấp bởi khách hàng

"VD": Các phép thử này được thực hiện tại phòng thí nghiệm Công ty TNHH Eurofins Sac Ky Hai Dang. (a) chú thích rằng các phép thử này được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VILAS 238. (f) chú thích rằng các phép thử này được công nhận theo Chứng Nhận CSKN về An Toàn Thực Phẩm-Bộ Y Tế